

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: 01-BP/LTV/2025

BÁNH QUE LOTTE PEPERO CRUNCHY

2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01-BP/LTV/2025.

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0274-3827470

Fax: 0274-3827471

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 3700232139

Nhà máy Lotte Việt Nam đã được chứng nhận Hệ thống An toàn Thực phẩm FSSC 22000.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: BÁNH QUE LOTTE PEPERO CRUNCHY

2. Thành phần:

Bán thành phẩm sô cô la I (40,9%) [đường, hỗn hợp dầu thực vật I (dầu cọ, dầu hướng dương, chất nhũ hóa (INS 322(i)), chất chống oxy hóa (INS 307b), hỗn hợp ca cao (sữa bột nguyên kem, ca cao khối), ca cao khối, lactose, hỗn hợp dầu thực vật II (dầu hướng dương, dầu cọ, chất nhũ hóa (INS 322(i)), chất chống oxy hóa (INS 307b)), bột hạnh nhân, chất nhũ hóa (INS 322(i), INS 473, INS 475), hương liệu nhân tạo], bột mì, bán thành phẩm sô cô la II (17%) [đường, hỗn hợp ca cao (sữa bột nguyên kem, ca cao khối), hỗn hợp dầu thực vật I (dầu cọ, dầu hướng dương, chất nhũ hóa (INS 322(i)), chất chống oxy hóa (INS 307b)), ca cao khối, lactose, hỗn hợp dầu thực vật II (dầu hướng dương, dầu cọ, chất nhũ hóa (INS 322(i)), chất chống oxy hóa (INS 307b)), bột hạnh nhân, chất nhũ hóa (INS 322(i), INS 473, INS 475), hương liệu nhân tạo, bột đậu phộng], sản phẩm ngũ cốc I (bột mì, tinh bột bắp, muối, chất tạo xốp (INS 500(ii), INS 503(ii)), đường, **chứa 2% hoặc ít hơn:** bơ cọ (shortening cọ) [dầu cọ, dầu cọ lỏng, chất chống oxy hóa (INS 307b)], sữa bột nguyên kem, bơ (kem sữa, dầu dừa), tinh bột bắp, sản phẩm ngũ cốc II (bột ngũ cốc nguyên hạt, gạo tẻ, gạo nếp), mạch nha, chất điều chỉnh độ acid (INS 339(iii), INS 503(ii), INS 500(ii))), muối, siro fructose bắp, hương liệu nhân tạo, chế phẩm enzyme (chất làm ẩm (INS 422), nước, chiết xuất đu đủ, chất bảo quản (INS 223)), men (nấm men, chất bảo quản (INS 491)).

**Thông tin lưu ý: Sản phẩm có chứa bột lúa mì, các loại hạt cây (hạnh nhân, dừa), sữa, đậu nành, đậu phộng. Sản phẩm được sản xuất trong nhà máy có dây chuyền sản xuất trùng. Không sử dụng khi có dấu hiệu hư hỏng hoặc hết hạn sử dụng.*

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

12 tháng kể từ ngày sản xuất.



4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói:

Sản phẩm được đóng trong bao bì nhựa nhiều lớp (OPP20/DL/VMCPP20) bên ngoài là hộp giấy (SC280/O.C).

Khối lượng tịnh: 39 g/hộp; Thùng 40 hộp: 1,56 kg/thùng

4.2. Chất liệu bao bì:

Bao bì nhựa nhiều lớp (OPP20/DL/VMCPP20) chuyên dùng cho thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Xuất xứ: Hàn Quốc
- Nhà sản xuất: LOTTE WELLFOOD CO., LTD. Số 10, Yangpyeong-ro 21-gil, Yeongdeungpo-gu, Seoul, Hàn Quốc.
- Nơi sản xuất: Nhà máy Yangsan. Địa chỉ: Số 1158, Yangsan-daero, Yangsan-si, Gyeongsangnam-do, 50571, Hàn Quốc.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (xem mẫu nhãn sản phẩm đính kèm.)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Căn cứ theo thông tư 29/2023/TT - BYT : Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Thông tư 24/2019/TT – BYT: Quy định quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- TCVN 12940:2020 bánh nướng.
- TCVN 7406:2004 bánh ngọt không kem.
- Tiêu chuẩn Nhà sản xuất.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Bình Dương, ngày 11 tháng 07 năm 2025



TIÊU CHUẨN
BÁNH QUE LOTTE PEPERO CRUNCHY

Số: 01-BP/LTV/2025

1. CHỈ TIÊU CẢM QUAN: Áp dụng TCVN 12940: 2020 bánh nướng, TCVN 7406: 2004 bánh ngọt không kem.

STT	Chỉ tiêu	Mô tả
1	Hình thái	Hình que, phủ một phần sô cô la mịn xen lẫn các mảnh sô cô la nhỏ.
2	Trạng thái	Giòn.
3	Màu sắc	Màu vàng sáng của bột bánh nướng và màu nâu của sô cô la mịn, xen lẫn các mảnh sô cô la nâu đậm.
4	Mùi	Mùi sô cô la đặc trưng sản phẩm, không có mùi lạ.
5	Vị	Vị ngọt đặc trưng sản phẩm, không có vị lạ.
6	Tạp chất	Không có tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường.

2. CHỈ TIÊU KIM LOẠI NẶNG: Áp dụng QCVN 8-2:2011/BYT về giới hạn kim loại nặng dùng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
1	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	0,2
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	0,1
3	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	1
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

3. CHỈ TIÊU VI SINH: Áp dụng QCVN 8-3:2012/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm, TCVN 7406:2004 bánh ngọt không kem.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
1	Tổng vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	Coliform	CFU/g	20
3	E.Coli	CFU/g	3
4	Staphylococci dương tính với coagulase	CFU/g	100
5	Enterobacteriaceae	CFU/g	10
6	Clostridium perfringens	CFU/g	10
7	Salmonella Spp	/25g	KPH
8	L. monocytogens	CFU/g	10^2
9	Tổng số nấm men và mốc	CFU/g	10^2

4. GIỚI HẠN ĐỘC TỐ VI NẤM TRONG THỰC PHẨM: Áp dụng QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm dành cho bánh, ngũ cốc sử dụng trực tiếp không cần sơ chế.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
1	Aflatoxin B1	$\mu\text{g/kg}$	2
2	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1 và G2)	$\mu\text{g/kg}$	4
3	Aflatoxin M1	$\mu\text{g/kg}$	0,5
4	Ochratoxin A	$\mu\text{g/kg}$	3
5	Deoxynivalenol	$\mu\text{g/kg}$	500
6	Zearalenone	$\mu\text{g/kg}$	50

Bình Dương, ngày 11 tháng 07 năm 2025

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



Tổng Giám Đốc

OGAWA TAKAAKI

XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG
BÁNH QUE LOTTE PEPERO CRUNCHY

Số: 01-BP/LTV/2025

Bảng tiêu chuẩn dinh dưỡng

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Khoảng giá trị dinh dưỡng cho phép (Hộp 39 g)	Giá trị dinh dưỡng 39 g trên nhãn
1	Năng lượng	kcal	160 – 240	200
2	Chất đạm	g	2,40 – 3,60	3
3	Carbohydrat	g	19,20 – 28,80	24
4	Đường tổng số	g	10,40 – 15,60	13
5	Chất béo	g	8,80 – 13,20	11
6	Natri	mg	112,00 – 168,00	140



Bình Dương, ngày 11... tháng 07... năm 2025

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



Tổng Giám Đốc
OGAWA TAKAAKI

Ms Kim Anh
Việt Nam BD

39 g/hộp



M.S.D.N: 3700232139 - C.T. T.N.H.H
CÔNG TY
TNHH
LOTTE VIỆT NAM
TP. THỦ DẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG





OPEN



ENG • Product Name: LOTTE PEPERO CRUNCHY (Chocolate covered biscuit stick with Biscuit Puffs)

Ingredients: Semi-chocolate I (Sugar, Processed oil I (Palm oil, Sunflower oil, Soy lecithin, d-Tocopherol concentrate), Cocoa preparation (Whole milk powder, Cocoa mass), Cocoa mass, Lactose, Processed oil II (Sunflower oil, Palm oil, Soy lecithin, d-Tocopherol concentrate), Almond powder, Soy lecithin, Sucrose esters of fatty acids, Glycerin esters of fatty acids, Artificial flavor), Wheat flour, Semi-chocolate II (Sugar, Cocoa preparation (Whole milk powder, Cocoa mass), Processed oil I (Palm oil, Sunflower oil, Soy lecithin, d-Tocopherol concentrate), Cocoa mass, Lactose, Processed oil II (Sunflower oil, Palm oil, Soy lecithin, d-Tocopherol concentrate), Almond powder, Soy lecithin, Sucrose esters of fatty acids, Glycerin esters of fatty acids, Artificial flavor, Peanut powder), Grain product I (Wheat flour, Corn starch, Salt, Sodium bicarbonate, Ammonium bicarbonate), Sugar, Contains 2% or less of: Palm shortening (Palm oil, Palm olein oil, d-Tocopherol concentrate), Whole milk powder, Processed butter (Milk cream, Coconut oil), Corn starch, Grain products II (Whole meal, Non-glutinous rice, Glutinous rice), Malt extract, Acidity regulators (Sodium phosphate tribasic, Ammonium bicarbonate, Sodium bicarbonate), Salt, High fructose corn syrup, Artificial flavors, Enzyme preparations (Glycerin, Water, Papaya extract, Sodium metabisulfite), Yeast (Yeast, Sorbitan monostearate)

• Contains Wheat, Tree nut (Almond, Coconut), Milk, Soybean, Peanut • Manufactured in a facility that also processes Egg • Net Wt. 1.38 Oz (39g) • MFGD, Best if Used By: Shown on the package (Day/Month/Year) • Keep in a Cool and Dry place between 18 ~ 22°C (64 ~ 72°F) • Manufactured by LOTTE WELLFOOD CO., LTD. 10, Yangpyeongro 21-gil, Yeongdeungpo-gu, Seoul, Korea PRODUCT OF KOREA

• Distributed by: • USA: LOTTE INT'L AMERICA CORP. 1100 Coiner Ct, City of Industry, CA 91748, USA

• Singapore: LOTTE CONFECTIONERY (S.E.A.) PTE. LTD. 10 GENTING LANE, #07-00 JAY GEE MELWANI HOUSE, SINGAPORE 349583 Tel: (+65) 6684-8743

• Philippines: VALIANT DISTRIBUTION, INC. #86 E. Rodriguez Jr. Ave., Ugong Norte 3, Libis, Quezon City, Metro Manila, Philippines 1110. Tel: +95 01 370861

• Malaysia: KMT FOOD & BEVERAGES SDN BHD (55791-A) C-03-07, Plaza Bukit Jalil (Aurora Place), No.1, Persiaran Jalil 1, Bandar Bukit Jalil, 57000 Kuala Lumpur Wilayah Persekutuan. Tel: (+603) 5033-2422/2423/2424

• Brunei: Parvati Textile Centre, Unit 1 Block D, Spg 68, Jln Perusahaan, Kpg Sungai Durian, Serasa Bt1728, Negara Brunei Darussalam Tel: +673 2420026 Fax: +673 2428689

* "No. 1 in Korea" : 2024 Nielsen POS Data (Biscuit category)

VN Tên sản phẩm: BẠNH QUE LOTTE PEPERO CRUNCHY

Thành phần: Bánh thành phẩm có vỏ la I (40,9%) [đường, hỗn hợp dầu thực vật I (dầu cọ, dầu hướng dương, chất nhũ hóa (INS 322(i)), chất chống oxy hóa (INS 307b)), hỗn hợp cao (sữa bột nguyên kem, cao khô), cao khô, lactose, hỗn hợp dầu thực vật II (dầu hướng dương, dầu cọ, chất nhũ hóa (INS 322(i)), chất chống oxy hóa (INS 307b)), bột hạnh nhân, chất nhũ hóa (INS 322(i)), INS 473, INS 475), hương liệu nhân tạo], bột mì, bánh thành phẩm có vỏ la II (17%) [đường, hỗn hợp cao (sữa bột nguyên kem, cao khô), hỗn hợp dầu thực vật I (dầu cọ, dầu hướng dương, chất nhũ hóa (INS 322(i)), chất chống oxy hóa (INS 307b)), cao khô, lactose, hỗn hợp dầu thực vật II (dầu hướng dương, dầu cọ, chất nhũ hóa (INS 322(i)), chất chống oxy hóa (INS 307b)), bột hạnh nhân, chất nhũ hóa (INS 322(i)), INS 473, INS 475), hương liệu nhân tạo,

bột đậu phộng], sản phẩm ngũ cốc I (bột mì, tinh bột bắp, muối, chất tạo xốp (INS 500(ii)), INS 503(ii)), đường, chứa 2% hoặc ít hơn: bơ có (shortening có) [dầu cọ, dầu có lòng, chất chống oxy hóa (INS 307b)], sữa bột nguyên kem, bơ (kem sữa, dầu dừa), tinh bột bắp, sản phẩm ngũ cốc II (bột ngũ cốc nguyên hạt, gạo tẻ, gạo nếp), mạch nha, chất điều chỉnh độ acid (INS 339(iii)), INS 503(ii), INS 500(ii)), muối, soro fructose bắp, hương liệu nhân tạo, chế phẩm enzyme (chất làm mềm (INS 422)), nước, chất xuất ứu ứ, chất bảo quản (INS 223)), men (nấm men, chất bảo quản (INS 491)). Thông tin dinh dưỡng (trên 39 g): Năng lượng 200 kcal, Chất đạm 3g, Carbohydrat 24 g, Đường tổng số 13 g, Chất béo 11 g, Natri 140 mg. Thông tin lưu ý: Sản phẩm có chứa bột lúa mì, các loại hạt cây (hạnh nhân, dừa), sữa, đậu nành, dầu thực vật. Sản phẩm được sản xuất trong nhà máy có dây chuyền sản xuất riêng. Không sử dụng khi có dấu hiệu hư hỏng hoặc đã hết hạn sử dụng. Ngày sản xuất (ngày, tháng, năm). Xem MFGD. Hạn sử dụng (ngày, tháng, năm). Xem EXPD in trên bao bì. Hướng dẫn sử dụng: Dùng ăn trực tiếp. Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, nhiệt độ khoảng 18-22°C (64 ~ 72°F), tránh ánh nắng trực tiếp và nhiệt độ cao. Khối lượng tịnh: 39 g/hộp. Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty TNHH Lotte Việt Nam Địa chỉ: Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phường Phú Thọ, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam - Điện thoại: 0274-3827470. Số điện thoại tư vấn khách hàng: 028-38479616. Nhà sản xuất: LOTTE WELLFOOD CO., LTD. Số 10, Yangpyeong-ro 21-gil, Yeongdeungpo-gu, Seoul, Hàn Quốc. Nơi sản xuất: Nhà máy Yangsan, Số 1158, Yangsan-daero, Yangsan-si, Gyeongsangnam-do, 50571, Hàn Quốc. Xuất xứ: Hàn Quốc. Từ công bố sản phẩm số: 01-BP/LTV/2025.

Пищевая и энергетическая ценность (в 100 г): 522 ккал / 2184 кДж	
Общее кол-во жиров	27 г
в т.ч. насыщенные жиры	16 г
Холестерол	13,6 мг
Натрий	355 мг
Общее содержание углеводов	62 г
в т.ч. сахар	33 г
Белки	8 г

營養標示

每份 39公克
本包裝含 1份

每份 每100公克	
熱量	203.8大卡 523.6大卡
蛋白質	3.0公克 7.8公克
脂肪	10.6公克 27.2公克
飽和脂肪	6.4公克 16.4公克
反式脂肪	0.2公克 0.4公克
碳水化合物	24.1公克 61.9公克
糖	12.8公克 32.8公克
鈉	138.6毫克 355.4毫克

本標示僅適用台灣

Nutrition Facts

1 serving per container
Serving size 1 pack (39g)

Amount per serving
Calories 200

	% Daily Value*
Total Fat 11g	14%
Saturated Fat 6g	32%
Trans Fat 0g	
Cholesterol 5mg	2%
Sodium 140mg	6%
Total Carbohydrate 24g	9%
Dietary Fiber 1g	5%
Total Sugars 13g	
Includes 10g Added Sugars	20%
Protein 3g	
Vitamin D 0mcg	0%
Calcium 40mg	4%
Iron 0.8mg	4%
Potassium 80mg	0%

* The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.



Phê duyệt TGD Tổng Giám đốc OGAWA TAKA	Phê duyệt Phó GĐNM Hồ Thị Kim Ngân	Kiểm tra thiết kế Marketing Mai Trung Hiếu	Kiểm tra nội dung Phòng QA Phạm Thị Kim Anh
---	--	--	---